TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 126/2020/QĐST-HNGĐ	*Quận 7, ngày 06 tháng 3 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và Khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 825/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Vu – Van A J V, sinh năm 1981; Địa chỉ: 3 Rue Pommier 94190 Villeneuve Saint Georges; Tạm trú: B6-4 Chung cư Hưng P, xã Phước K, huyện NB, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người phiên dịch cho Ông Vu – Van A J V: Bà Đặng Dương Khánh T, sinh năm 1988.

- Bà Nguyễn Thị Hải Y, sinh năm 1986; Địa chỉ: Số 1247/7/5 Huỳnh Tấn P, tổ 33, khu phố 4, phường Phú T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Vu – Van A J V và bà Nguyễn Thị Hải Y xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2014 (Giấy chứng nhận kết hôn số 1159, Quyển số 06 đăng ký tại UBND Thành phố Hồ Chí Minh ngày 12/5/2014).

Quá trình chung sống giữa ông Vu – Van A J V và bà Nguyễn Thị Hải Y phát sinh nhiều mâu thuẫn, cả hai không tìm được tiếng nói chung. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông Vu – Van A J V và bà Nguyễn Thị Hải Y là có cơ sở để chấp nhận.

[2] Về quan hệ con chung:

Căn cứ vào bản sao giấy khai sinh số 1081/2014, quyển số 06/2014 ngày 02/12/2014 tại Sở tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh và lời khai của các đương sự, có

đủ cơ sở xác định ông Vu – Van A J V và bà Nguyễn Thị Hải Y có 01 người con chung, họ tên là Vu Van Cayden Bảo M, sinh ngày 20/10/2014.

Ông Vu – Van A J V và bà Nguyễn Thị Hải Y thỏa thuận giao con chung cho bà Nguyễn Thị Hải Y trực tiếp nuôi dưỡng, ông Vu – Van A J V không cấp dưỡng nuôi con.

Xét, thỏa thuận này của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Ông Vu – Van A J V và bà Nguyễn Thị Hải Y không có tài sản chung.

[4] Về nợ chung: Ông Vu – Van A J V và bà Nguyễn Thị Hải Y không có nợ chung.

[5] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông Vu – Van A J V và bà Nguyễn Thị Hải Y phải chịu lệ phí theo quy định Pháp luật lệ phí, án phí của Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể:

1.1. Về quan hệ hôn nhân:

Ông Vu – Van A J V và bà Nguyễn Thị Hải Y thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 1159, Quyển số 06 đăng ký tại UBND Thành phố Hồ Chí Minh ngày 12/5/2014).

1.2. Về con chung:

Ông Vu – Van A J V và bà Nguyễn Thị Hải Y có 01 người con chung, họ tên là Vu Van Cayden Bảo M, sinh ngày 20/10/2014.

Giao trẻ Vu Van Cayden Bảo M cho bà Nguyễn Thị Hải Y (là mẹ) trực tiếp nuôi dưỡng, ông Vu – Van A J V (là cha) không cấp dưỡng nuôi con.

Ông Vu – Van A J V có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3 Về tài sản chung: Ông Vu – Van A J V và bà Nguyễn Thị Hải Y không có tài sản chung.

1.4 Về nợ chung: Ông Vu – Van A J V và bà Nguyễn Thị Hải Y không có nợ chung.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm: Ông Vu – Van A J V và bà Nguyễn Thị Hải Y chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.0000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0031924 ngày 10/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Tp. HCM. Ông Vu – Van A J V và bà Nguyễn Thị Hải Y đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q7;
- Chi cục THADS Q7;
- UBND Thành phố HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS (Thanh).

THẨM PHÁN

Trần Thị Thu Trang